

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2019/HSST**
Ngày: 14/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ - TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hùng Cường và bà Hoàng Thị Quýt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hôn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 N 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/HSST ngày 25 tháng 01 N 2019; đối với bị cáo:

TRỊNH THỊ N (tên gọi khác: Phạm Thị Huyền Nga), sinh N: 1969; Hộ khẩu thường trú: ấp 5, xã Hưng Phước, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trịnh Viết Cương (đã chết) và bà Phạm Thị Hồng (đã chết); gia đình bị cáo có 9 anh chị em, bản thân bị cáo là con thứ 8 trong gia đình; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn Thành, sinh N 1970 (chưa đăng ký kết hôn) và có 04 (bốn) người con, lớn nhất sinh N 1988, nhỏ nhất sinh N 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/11/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Trần Thị N, sinh N 1981; địa chỉ: khu phố Thanh Bình, TT. Thanh Bình, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trần Thị D, sinh N 1991; địa chỉ: Ấp 5, xã Thanh Hòa, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 09/11/2018, Trịnh Thị N đi đến khu vực chợ Thanh Hòa thuộc khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình, huyện BÐ để mua thức ăn. Khi đi đến khu vực phía trước cửa hàng xe Honda Phong Phú, N phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu

Jargon, loại Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát 93T1 – 1976 của chị Trần Thị N đang dựng ở bên lề đường, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu xài. N đi đến mở khóa, nổ máy xe, điều khiển xe về hướng huyện Lộc Ninh rồi đưa qua Campuchia cầm cố cho một người phụ nữ tên Xuyên (không rõ nhân thân, lai lịch) được 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), số tiền này N đã dùng để tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện bị mất xe, chị Ngọc đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Đến ngày 13/11/2018, chị Trần Thị D (là con gái của N) đi chuộc xe mô tô trên và đem đến giao nộp cho Công an huyện BĐ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 06 ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện BĐ kết luận: Tại thời điểm ngày 09/11/2018 giá trị tài sản của: 01 xe mô tô nhãn hiệu Jargon, loại Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát 93T1–1976, số khung H1ND61R07611, số máy MHJA0000761, chất lượng sử dụng 60% là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 08/CTr - VKS ngày 25-01-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trịnh Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ đã truy tố và kết luận.

Bị hại Trần Thị N yêu cầu được nhận lại chiếc xe nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì vì số tiền mà chị bỏ ra để chuộc xe là tiền mà trước đó bị cáo gửi cho chị Diễm.

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 08(tám) đến 10(mười) tháng tù.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện BD, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 09/11/2018, tại khu phố Thanh Xuân, TT. Thanh Bình, huyện BD, Trịnh Thị N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Jargon, loại Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát 93T1 – 1976 của chị Trần Thị N, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, gây nghi kỵ, hoang mang trong khu dân cư nơi xảy ra vụ án, ảnh hưởng đến trật tự an tại địa phương. Điều này thể hiện rõ thái độ không chấp hành pháp luật của bị cáo là rất rõ.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Jargon, loại Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát: 93T1 – 1976, số khung H1ND61R07611, số máy MHJA00007611 quá trình điều tra xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị N, HĐXX xét thấy cần trả lại cho chị Ngọc.

[8] Xét, sự đề xuất về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc và chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo như người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tài sản đã được thu hồi để trả lại cho người bị hại; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. HĐXX xét thấy cần thiết xử bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề xuất là phù hợp.

Án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố **Trịnh Thị N** (tên gọi khác: Phạm Thị Huyền N) phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Trịnh Thị N** (Phạm Thị Huyền N) 07(bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 13/11/2018).

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên: Trả lại cho bà Trần Thị N 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Jargon, loại Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát: 93T1 – 1976, số khung H1ND61R07611, số máy MHJA00007611.(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0007565 ngày 11/01/2019 giữa Công an huyện BD và Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD)

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện BD;
- Công an huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Trương Thị Việt Nga